

IV. PHẨM UPĀLI (UPĀLIVAGGA)⁴⁶

I. KINH UPĀLI (*Upālisutta*)⁴⁷ (A. V. 70)

31. Bấy giờ, có Tôn giả Upāli đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Upāli bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, do duyên bao nhiêu mục đích, các học pháp thiết lập cho các đệ tử Như Lai và Giới bốn (*Pātimokkha*) được tuyên đọc?

– Này Upāli, do duyên mười mục đích, các học pháp được thiết lập cho các đệ tử Như Lai và Giới bốn được tuyên đọc. Thế nào là mười?

Để Tăng chúng được cực thiện, để Tăng chúng được an ổn, để chặn đứng các người cứng đầu, để các thiện Tỷ-kheo được sống an ổn, để chế ngự các lậu hoặc ngay trong hiện tại, để chặn đứng các lậu hoặc trong tương lai, để đem lại tịnh tín cho những người không có lòng tin, để làm tăng trưởng tịnh tín cho những người có lòng tin, để Diệu pháp được tồn tại, để Luật được chấp nhận.

Do duyên mười mục đích này, này Upāli, các học pháp được thiết lập cho các đệ tử Như Lai và Giới bốn được tuyên đọc.

II. KINH NGỪNG TUYÊN ĐỌC GIỚI BỐN (*Pātimokkhatthapanāsutta*) (A. V. 70)

32. – Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu trường hợp Giới bốn bị ngưng tuyên đọc?

– Này Upāli, có mười trường hợp Giới bốn bị ngưng tuyên đọc. Thế nào là mười? Khi có người phạm Ba-la-di tội ngồi trong hội chúng ấy, khi thảo luận về người phạm Ba-la-di tội chưa chấm dứt, khi có người chưa thọ Cụ túc giới ngồi trong hội chúng ấy, khi thảo luận về người chưa thọ Cụ túc giới chưa chấm dứt, khi một người từ bỏ học pháp ngồi xuống trong hội chúng ấy, khi cuộc thảo luận về người từ bỏ học pháp chưa chấm dứt, khi có người thiếu nam căn còn ngồi trong hội chúng ấy, khi cuộc thảo luận về người thiếu nam căn chưa chấm dứt, khi có người ô nhục Tỷ-kheo-ni còn ngồi trong hội chúng ấy, khi cuộc thảo luận về người ô nhục Tỷ-kheo-ni chưa được chấm dứt.

Này Upāli, đây là mười trường hợp Giới bốn bị ngưng tuyên đọc.

⁴⁶ Bản tiếng Anh của PTS: *Upāli and Ānanda*, nghĩa là *Upāli và Ānanda*.

⁴⁷ Bản tiếng Anh của PTS trình bày 2 kinh (31, 32) này chung một kinh với tên: *Upāli and the Obligation*, nghĩa là *Upāli và trách nhiệm*. Tham chiếu: *Tăng. 增* (T.02. 0125.46.1. 0775c07).

III. KINH NGƯỜI ĐOẠN SỰ (*Ubbāhikāsutta*) (A. V. 71)

33. – Bạch Thế Tôn, một Tỷ-kheo thành tựu bao nhiêu pháp để được làm người đoạn sự viên?⁴⁸

– Nay Upāli, một Tỷ-kheo thành tựu mười pháp để được làm người đoạn sự viên. Thế nào là mười?

Ở đây, này Upāli, vị Tỷ-kheo giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bốn (*Pātimokkha*), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập trong các học pháp;

Là người nghe nhiều, thọ trì điều đã nghe, cất chứa điều đã nghe; những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, tán thán Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh, những pháp như vậy, vị ấy được nghe nhiều, được thọ trì, được đọc tụng bằng lời, được quan sát với ý, được khéo léo thể nhập với chánh kiến;

Cả hai Giới bốn được khéo truyền đạt một cách rộng rãi, được khéo phân tích, khéo thông hiểu (*suppavattīni*), khéo quyết định, theo kinh, theo chi tiết;

Vị ấy được khéo an trú trên Luật, không có dao động;

Có khả năng làm cho cả hai phe chống đối thông hiểu, chinh phục họ, làm cho họ thấy, làm cho họ hòa giải với nhau;

Vị ấy thiện xảo trong sự sanh khởi và chấm dứt các tránh sự;

Biết các tránh sự;

Biết tránh sự sanh khởi;

Biết tránh sự đoạn diệt;

Biết con đường đưa đến tránh sự được đoạn diệt.

Thành tựu mười pháp này, này Upāli, Tỷ-kheo được xem là có khả năng làm vị đoạn sự viên.

IV. KINH CỤ TÚC GIỚI (*Upasampadāsutta*) (A. V. 72)

34. – Bạch Thế Tôn, thành tựu bao nhiêu pháp, một Tỷ-kheo có khả năng trao truyền Cụ túc giới?

– Thành tựu mười pháp, này Upāli, vị Tỷ-kheo có khả năng trao truyền Cụ túc giới. Thế nào là mười?

Ở đây, này Upāli, Tỷ-kheo có giới, sống được chế ngự với sự chế ngự của Giới bốn (*Pātimokkha*), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận và học tập trong các học pháp;

Là người nghe nhiều, thọ trì điều đã được nghe, cất chứa điều đã được nghe...

Cả hai Giới bốn được khéo truyền đạt một cách rộng rãi, được khéo phân tích, khéo thông hiểu, khéo quyết định, theo kinh, theo chi tiết.

⁴⁸ *Ubbāhikāya*, như là thành viên của một Hội đồng làm pháp tảo xuất một Tỷ-kheo.

Vị ấy có khả năng nuôi dưỡng bệnh nhân hay khiến người nuôi dưỡng;
 Có khả năng làm cho tịnh chỉ bất mãn hay khiến người khác tịnh chỉ bất mãn;
 Có khả năng đoạn trừ đúng pháp ác tác khởi lên;
 Có khả năng phân tích, chỉ trích tà kiến khởi lên;
 Có khả năng khích lệ trong tăng thượng giới;
 Có khả năng khích lệ trong tăng thượng tâm;
 Có khả năng khích lệ trong tăng thượng tuệ.

Thành tựu mười pháp này, này Upāli, một Tỷ-kheo có khả năng trao truyền Cụ túc giới.

V. KINH Y CHỈ (*Nissayasutta*)⁴⁹ (A. V. 73)

35. – Thành tựu bao nhiêu pháp, bạch Thế Tôn, một Tỷ-kheo có thể trao truyền y chỉ?

– Thành tựu mười pháp, này Upāli, một Tỷ-kheo có thể trao truyền y chỉ. Thế nào là mười?

Ở đây, này Upāli, vị Tỷ-kheo có giới... chấp nhận và học tập trong các học pháp; là vị nghe nhiều... khéo thể nhập với chánh kiến; cả hai Giới bốn (*Pātimokkha*) khéo truyền đạt một cách rộng rãi, khéo phân tích, khéo thông hiểu, khéo quyết định, theo kinh, theo chi tiết; vị ấy có khả năng nuôi dưỡng bệnh nhân hay khiến người nuôi dưỡng; có khả năng làm cho tịnh chỉ bất mãn hay khiến người khác tịnh chỉ bất mãn; có khả năng đoạn trừ đúng pháp ác tác khởi lên; có khả năng phân tích, chỉ trích tà kiến khởi lên; có khả năng khích lệ trong tăng thượng giới; có khả năng khích lệ trong tăng thượng tâm; có khả năng khích lệ trong tăng thượng tuệ. Thành tựu mười pháp, này Upāli, một Tỷ-kheo có thể trao truyền y chỉ.

VI. KINH SA-DI (*Sāmañerasutta*) (A. V. 73)

36. – Thành tựu bao nhiêu pháp, bạch Thế Tôn, một Tỷ-kheo có khả năng nuôi dưỡng Sa-di?

– Thành tựu mười pháp này, này Upāli, một Tỷ-kheo có khả năng nuôi dưỡng Sa-di. Thế nào là mười?

Ở đây, này Upāli, vị Tỷ-kheo có giới... chấp nhận và học tập trong các học pháp; là vị nghe nhiều... khéo thể nhập với chánh kiến; cả hai Giới bốn (*Pātimokkha*) khéo truyền đạt một cách rộng rãi, khéo phân tích, khéo thông hiểu, khéo quyết định, theo kinh, theo chi tiết; vị ấy có khả năng nuôi dưỡng bệnh nhân hay khiến người nuôi dưỡng; có khả năng làm cho tịnh chỉ bất mãn hay khiến người khác tịnh chỉ bất mãn; có khả năng đoạn trừ đúng pháp ác tác khởi lên; có khả năng phân tích, chỉ trích tà kiến khởi lên; có khả năng khích

⁴⁹ Bản tiếng Anh của PTS trình bày kinh này chung một kinh 34, với tên kinh *Tutelage*, nghĩa là *Thời gian hướng dẫn một vị mới xuất gia*.

lệ trong tăng thượng giới; có khả năng khích lệ trong tăng thượng tâm; có khả năng khích lệ trong tăng thượng tuệ. Thành tựu mười pháp này, này Upāli, một Tỷ-kheo có khả năng nuôi dưỡng Sa-di.

VII. KINH PHÁ HÒA HỢP TĂNG (*Saṅghabhedasutta*) (A. V. 73)

37. – “Phá hòa hợp Tăng, phá hòa hợp Tăng”, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là phá hòa hợp Tăng?

– Ở đây, này Upāli, các Tỷ-kheo thuyết phi pháp là pháp; thuyết pháp là phi pháp; thuyết phi luật là luật; thuyết luật là phi luật; thuyết điều Như Lai không nói, không thuyết là điều Như Lai có nói, có thuyết; thuyết điều Như Lai có nói, có thuyết là điều Như Lai không nói, không thuyết; thuyết điều Như Lai không thường sở hành là điều Như Lai thường sở hành; thuyết điều Như Lai thường sở hành là điều Như Lai không thường sở hành; thuyết điều Như Lai không có chế đặt là điều Như Lai có chế đặt; thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt.

Chính do mười sự này, họ phá hoại, họ chia rẽ, họ hành bất cộng Yết-ma, họ tuyên đọc Giới bốn (*Pātimokkha*) khác biệt. Cho đến như vậy, này Upāli, là chúng Tăng bị phá hòa hợp.

VIII. KINH HÒA HỢP TĂNG (*Saṅghasāmaggīsutta*) (A. V. 74)

38. – “Tăng hòa hợp, Tăng hòa hợp”, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là Tăng hòa hợp?

– Ở đây, này Upāli, các Tỷ-kheo thuyết phi pháp là phi pháp; thuyết pháp là pháp; thuyết phi luật là phi luật; thuyết luật là luật; thuyết điều Như Lai không nói, không thuyết là điều Như Lai không nói, không thuyết; thuyết điều Như Lai có nói, có thuyết là điều Như Lai có nói, có thuyết; thuyết điều Như Lai không thường sở hành là điều Như Lai không thường sở hành; thuyết điều Như Lai thường sở hành là điều Như Lai thường sở hành; thuyết điều Như Lai không có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt; thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai có chế đặt.

Với mười sự này, các Tỷ-kheo không phá hoại, các Tỷ-kheo không chia rẽ, các Tỷ-kheo không hành bất cộng Yết-ma, các Tỷ-kheo không tuyên đọc Giới bốn (*Pātimokkha*) khác biệt. Cho đến như vậy, này Upāli, là Tăng chúng được hòa hợp.

IX. KINH ĀNANDA THỨ NHẤT (*Paṭhamaānandasutta*)⁵⁰ (A. V. 75)

39. Bấy giờ, có Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, người ta nói: “Phá hòa hợp Tăng, phá hòa hợp Tăng”. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là phá hòa hợp Tăng?

⁵⁰ Bản tiếng Anh của PTS viết thành 2 kinh (37, 38) riêng biệt – *Schism in the Order* (b) nghĩa là *Phá hòa hợp Tăng* (b), và *Fruits of Causing Schism* nghĩa là *Quả của phá hòa hợp Tăng*.

– Ở đây, này Ānanda, các Tỷ-kheo thuyết phi pháp là pháp; thuyết pháp là phi pháp; thuyết phi luật là luật... thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt. Chính do mười sự này, họ phá hoại, họ chia rẽ, họ hành bất cộng Yết-ma, họ tuyên đọc Giới bốn (*Pātimokkha*) khác biệt. Cho đến như vậy, này Ānanda, là chúng Tăng bị phá hòa hợp.

– Bạch Thế Tôn, phá hoại Tăng hòa hợp đem lại kết quả gì?

– Này Ānanda, đem lại tội ác kéo dài đến một kiếp.

– Bạch Thế Tôn, tội ác gì kéo dài một kiếp?

– Này Ānanda, bị nấu trong địa ngục một kiếp.

Kẻ phá hòa hợp Tăng,
Bị rơi vào đọa xứ,
Bị rơi vào địa ngục,
Kéo dài đến một kiếp.
Ưa thích sự bất hòa,
An trú trên phi pháp,
Bị xa lìa, từ bỏ.
An ổn các khổ ách,
Ai phá sự hòa hợp,
Của Tăng chúng Tỷ-kheo,
Trong một kiếp, người ấy,
Bị địa ngục nung nấu.

X. KINH ĀNANDA THỨ HAI (*Dutiyaānandasutta*)⁵¹ (A. V. 76)

40. – Bạch Thế Tôn, người ta nói: “Tăng hòa hợp, Tăng hòa hợp”. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là Tăng hòa hợp?

– Ở đây, này Ānanda, các Tỷ-kheo thuyết phi pháp là phi pháp; thuyết pháp là pháp; thuyết phi luật là phi luật; thuyết luật là luật; thuyết điều Như Lai không nói, không thuyết là điều Như Lai không nói, không thuyết; thuyết điều Như Lai có nói, có thuyết là điều Như Lai có nói, có thuyết; thuyết điều Như Lai không thường sở hành là điều Như Lai không thường sở hành; thuyết điều Như Lai thường sở hành là điều Như Lai thường sở hành; thuyết điều Như Lai không có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt; thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai có chế đặt. Với mười sự này, các Tỷ-kheo không phá hoại, các Tỷ-kheo không chia rẽ, các Tỷ-kheo không hành bất cộng Yết-ma, các Tỷ-kheo không tuyên đọc Giới bốn (*Pātimokkha*) khác biệt. Cho đến như vậy, này Ānanda, là Tăng chúng được hòa hợp.

– Bạch Thế Tôn, với chúng Tăng bị phá, làm cho hòa hợp lại, đem đến kết quả gì?

⁵¹ Bản tiếng Anh của PTS viết thành 2 kinh (39, 40) riêng biệt – *Harmony in the Order* (b) nghĩa là *Hòa hợp Tăng* (b), và *Fruits of Causing Harmony in the Order* nghĩa là *Quả của hòa hợp Tăng*.

- Này Ānanda, đem đến Phạm công đức.
- Bạch Thế Tôn, thế nào là Phạm công đức?
- Này Ānanda, trong một kiếp, được sống hoan hỷ ở thiên giới.

Sống an lạc là người,
 Làm hòa hợp chúng Tăng.
 Sống an lạc là người,
 Giúp chúng Tăng hòa hợp,
 Ưa thích sự hòa hợp,
 An trú trên Chánh pháp.
 Không bị tước đoạt mất,
 An ổn các khổ ách,
 Ai khiến cho chúng Tăng,
 Được sống trong hòa hợp,
 Trong một kiếp, người ấy,
 Sống hoan hỷ thiên giới.

